

GC, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 192/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019.

**XÉT THẤY :**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH :**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

\* *Bị đơn*: - Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số BS NT, khu phố H, phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960;

Địa chỉ: B NT, khu phố M, phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp NC, xã PT, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968;

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970;

- Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã T, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số MNHS đường PTH, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Hủy toàn bộ bảng di chúc ngày 22/10/2013. Phân chia quyền sử dụng đất thành 10 phần cụ thể như sau:

2.2/ Phần đất của ông Nguyễn Tấn H có diện tích  $165,9\text{m}^2$ , hiện ông đang quản lý, sử dụng có cạnh Đông dài 22,79m tiếp giáp đường đi; cạnh Tây dài 19,69m.

2.3/ Phần đất của bà Nguyễn Thị Tuyết M tiếp giáp đất ông Nguyễn Tấn H (Bà M tặng toàn bộ đất cho ông Nguyễn Tấn H) có diện tích  $95,9\text{m}^2$  có cạnh Đông 7m tiếp giáp đường đi, cạnh Tây 6m.

2.4/ Phần đất bà Nguyễn Thị D giáp đất bà Nguyễn Thị Tuyết M có diện tích  $95,7\text{m}^2$  có cạnh Đông 6m tiếp giáp đường đi, cạnh Tây 5,70m.

2.5/ Phần đất bà Nguyễn Thị V giáp đất bà Nguyễn Thị D có diện tích  $115,9\text{m}^2$  có cạnh Đông 7m tiếp giáp đường đi, cạnh Tây  $3,54\text{m} + 2,45\text{m}$ .

2.6/ Phần đất bà Nguyễn Thị Tuyết N tiếp giáp đất bà Nguyễn Thị V có diện tích  $91,8\text{m}^2$  có cạnh Đông 5,14m giáp đường đi, cạnh Tây 5m và  $500\text{m}^2$  có cạnh Đông  $2,45\text{m} + 5\text{m} + 5,20\text{m}$ ; cạnh Tây 15,48m (Khu đất có ngôi nhà thờ).

2.7/ Phần đất của ông Nguyễn Văn H tiếp giáp đất bà Nguyễn Thị Tuyết N có diện tích  $96,8\text{m}^2$  có cạnh Đông 5,38m giáp đường đi, cạnh Tây 5,20m (Ông H tặng toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Tuyết H).

2.8/ Phần đất của ông Nguyễn Văn T giáp đất bà Nguyễn Thị Tuyết N có diện tích  $176,5\text{m}^2$  có cạnh Đông 7,5m giáp đường đi, cạnh Tây 4,89m.

2.8/ Phần đất của ông Nguyễn Văn Đ giáp đất ông Nguyễn Văn T có diện tích  $232,9\text{m}^2$  có cạnh Đông giáp đường đi dài 11m, cạnh Tây 4,89m.

2.10/ Phần đất của ông Nguyễn Văn P giáp đất ông Nguyễn Văn Đ có diện tích  $184,1\text{m}^2$  có cạnh Đông giáp đường đi dài 7,46m, cạnh Tây dài 4,89m.

2.11/ Phần đất bà Nguyễn Thị Tuyết H giáp với đất chung (Phần đất mộ) có diện tích  $359,7\text{m}^2$  có cạnh Đông dài  $8,65\text{m} + 1,33\text{m} + 6,73\text{m}$ ; cạnh Tây dài  $1,3\text{m} + 15,1\text{m}$ .

2.12/ Phần đất đường đi và phần đất mộ (Đất chung) có diện tích  $445\text{m}^2 + 448,2\text{m}^2 + 550,2\text{m}^2$  thuộc quyền sử dụng chung của tất cả 10 anh chị em có tên trong Quyết định.

Toàn bộ các phần đất theo sơ đồ hình vẽ ngày 28/02/2022 kèm theo.

2.13/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu ngôi nhà thờ và toàn bộ tài sản chị đang quản lý.

2.14/ Phần chuồng heo của bà N xây trên khu đất của ông P, ông T, ông Đ thì bà được tiếp tục sử dụng khi nào các ông P, ông T, ông Đ có nhu cầu sử dụng đất phải báo trước cho bà N 03 tháng, để bà N thu dọn, giao đất.

2.15/ Cây trồng, công trình trên đất của ai thuộc quyền sở hữu của người đó.

2.16/ Về phân chia loại đất: Bà N được 100m<sup>2</sup> đất ONT, diện tích đất còn lại đất CLN; 09 người còn lại mỗi người được 22,22m<sup>2</sup> đất ONT, diện tích đất còn lại đất CLN.

2.17/ Khi bà Nguyễn Thị Tuyết H quản lý, sử dụng phần đất tiếp giáp với bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà H phải chịu chi phí di dời 02 trụ cổng bằng bê tông của bà Nguyễn Thị Tuyết N theo chi phí thực tế.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Thời gian thực hiện khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1/ Ông Nguyễn Tấn H nộp 1.418.000 đồng (*Một triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng*).

3.2/ Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí (Do đã cho đất bà H).

3.3/ Ông Nguyễn Văn T nộp 1.481.000 đồng (*Một triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*).

3.4/ Ông Nguyễn Tấn Đ nộp 1.820.000 đồng (*Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

3.5/ Ông Nguyễn Văn P nộp 1.527.000 đồng (*Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

3.6/ Bà Nguyễn Thị Tuyết H nộp tiền án phí trên phần đất của bà và phần đất được ông H tặng cho là 3.583.000 đồng (*Ba triệu năm trăm tám ba nghìn đồng*).

3.7/ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Tuyết N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi và hộ nghèo.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã GC;
- Chi cục THADS thị xã GC;
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV.

**LÊ THỊ HẰNG**